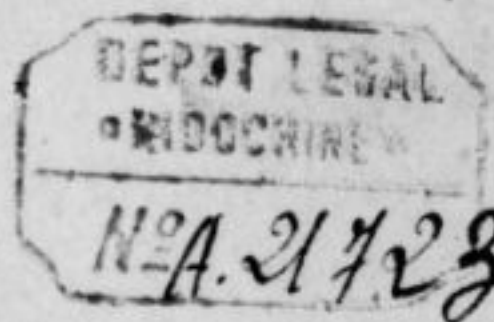


ĐẠI VIỆT

TẬP CHÍ

REVUE BI MENSUELLE PARAISSANT LE 1er ET LE 16 DE CHAQUE MOIS

Giám-đốc : **HỒ-VĂN TRUNG** *



MỤC LỤC

- | | |
|---|------------------|
| 1— Lễ phong tước Phò Quốc-vương
cho Thủy sư Đô-đốc | JEAN DECOUX |
| 2— Sự tiến-hóa của Nhân-loại. | QUANG-PHONG |
| 3— Tình tri-kỹ. | PHONG-VŨ |
| 4— Câu chuyện Văn học : Nhà sử-học. . | THIỆU-SON |
| 5— Thư bàn đến một vài nghi đ lễ về
Sử-học trong thời Tây-Son. . . | QUANG PHONG |
| 6— Bữa. Tỷ. | THƯỢNG-TÂN-THỊ |
| 7— « Rương vàng của con tôi » (tiếp theo) | TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG |
| 8— Ái-tình Miếu (tiểu-thuyết). | HỒ BIỂU-CHÁNH |



Bao-quan : 5, rue de Reims, Saigon — Giá mỗi số : 0 \$ 40

ĐẠI VỊT

TẬP CHÍ

REVUE DE LITTÉRATURE FRANÇAISE ET DE LA LITTÉRATURE DE CHASSE

Chăm sóc: NHỮNG TRUNG

MỤC LỤC

- 1- Phong trào Văn học Việt Nam
- 2- Văn học Việt Nam
- 3- Văn học Việt Nam
- 4- Văn học Việt Nam
- 5- Văn học Việt Nam
- 6- Văn học Việt Nam
- 7- Văn học Việt Nam
- 8- Văn học Việt Nam
- 9- Văn học Việt Nam
- 10- Văn học Việt Nam

**LỄ PHONG TƯỚC PHÒ-QUỐC-VƯƠNG
NAM-TRIỀU CHO QUAN
ĐÔ-ĐỐC JEAN DECOUX**



GÀY 23 Juillet 1943, từ 11 giờ tới 12 giờ trưa, tại dinh Toàn-quyền ở Dalat, có trần thiết một cuộc lễ long trọng để cho quan Khâm-sai Phạm-Quỳnh, thay mặt Đại-Nam Hoàng-đế Bảo-Đại, ban cho quan Thủy quân Đô-đốc Jean Decoux, Toàn-quyền Đông-Pháp Khâm-sai Đại-thần Pháp-quốc tại Thái-bình-dương, những biểu chương của tước Phò-quốc vương Nam-Triều.

Đúng 11 giờ, các quan Nam-Triều, đi trước Mao-Tiết là biểu hiệu của Hoàng-đế, bước vào cửa vườn dinh Toàn-quyền. Có lính Vệ Đông-Pháp dàn hầu chào rước.

Đúng 11 giờ 10 phút, các quan Nam-Triều tới Dinh. Một đội lính thủy là vệ-quân của Đô-đốc, chào rước.

Các quan Phạm-Quỳnh, Thượng thư Bộ Nội vụ, Khâm-sai Ung-Uy, Thượng thư Bộ lễ, Trần đình Tong, Đồng lý Văn phòng, Võ-Chuẩn, Tổng đốc Nghệ An, Hoàng Yến, Tổng đốc Bình Định, Tôn thất Ngan, Tuần phủ Quảng Bình, Hà văn Ban, Tuần phủ Phan thiết, Nguyễn tiến Lãng, Phủ thừa Thừa thiên, vừa tới cửa Dinh thì có quan Đồng lý Văn phòng quan Toàn quyền và các quan hầu tiếp rước.

Các quan Triều vào Dinh và bước vào một cái phòng lớn dọn sẵn để trần-thiết cuộc lễ phong tước trước mặt Jean Decoux phu-nhơn, các quan ở phủ Toàn-quyền có quan Phó Toàn-quyền đứng đầu, các quan Heas, Thượng-thư bộ Giáo-dục Cao-miên. Souvannarath, Thượng thư bộ Công-chánh nước Lào, và hết thấy các quan Giám đốc các sở lớn Đông-Pháp có mặt tại Dalat.

Quan Đô đốc Jean Decoux đi sau các quan Triều vào trong phòng lớn, đứng day mặt vào trước cái bàn màu vàng là chỗ để cái Mao-Tiết. Có hai cái bàn màu đỏ nhỏ hơn để rước lấy các biểu chương Vương tước. Các quan Triều đứng chung phía trước, bên tay mặt quan Đô-đốc, trên một tấm khăn trải theo lễ nghi đề riêng cho các ngài.

Cuộc lễ khởi hành : Một viên quan Triều tiếp rước Mao-Tiết nơi tay quan Thượng thư Bộ Lễ và đem lễ trên cái bàn màu vàng, còn các quan Triều khác thì sắp cái tử, cái ấn và triều phục trên hai bàn màu đỏ.

Rồi quan Thượng thư bộ Nội vụ đọc Sắc phong tước Phò quốc vương Nam Triều cho quan Đô đốc. Kế đó quan Thượng thư Bộ Lễ đọc tờ Dụ phong tước ghi trong Kim Sách ; và quan Đồng lý Văn phòng Hoàng đế đọc thêm bản dịch tờ Dụ ra Pháp-văn.

Quan Thượng thư Bộ Lễ bèn trao Kim bài và Kim sách cho quan Đô đốc, ngài nghiêng mình trước Mao Tiết mà thọ lãnh các vật báu ấy. Trao các biểu chương rồi, thì quan Thượng thư Bộ Nội vụ đọc một bài diễn văn và quan Đô đốc có đáp lại.

Hành lễ xong, các quan Triều lui bước, đi ngang trước mặt quan Đô đốc, ngài cũng nghiêng mình trước Mao-Tiết như lúc đầu. Rồi các quan Triều lìa Dinh, giữa cuộc trần thiết lễ nghi như khi đến. (OFI).

Tờ Dụ số 44 ngày 21 tháng năm, năm thứ 18 Triều Bảo-Đại (nhằm ngày 23 Juin 1943).

Trẫm, Đại-Nam Hoàng-đế,

Dụ rằng :

Xét vì quan Đô-dốc Thủy sư Jean DECOUX. Toàn quyền Đông-Pháp, Khâm sai Đại thần Pháp quốc tại Thái bình dương là một vị tướng soái trứ danh bên Pháp quốc. Người có tài năng hoàn toàn làm quan Thũ hiến bên văn và làm Tướng quân bên võ.

Lãnh quyền chỉ huy Hải quân, thì công cán và oai danh người đã nên rực rỡ. Vì vậy, nên năm 1940, Chánh phủ Pháp giao cho người cái trọng trách cai trị Đông Pháp. Bấy giờ nước Pháp mắc phải nhiều việc khó khăn còn hoàn cầu thì điên đảo trong vòng khói lửa. Tai nạn càng thêm, chiến tranh càng rộng, gần như chẳng có nước nào hưởng cuộc hòa bình.

Quan Đô đốc Decoux đầy mình nghị lực tài năng và hoài bão những điều vĩ đại. Nhờ chánh sách của người thì thổ, Đông-Pháp một mình được hưởng hòa bình. Riêng phần Nam quốc, cũng nhờ ơn kia bảo hộ.

Quan Đô-đốc Decoux cầm quyền cai trị đã ba năm. Công vĩ đại và đức cao tôn của người, Trẫm hằng nhớ, chẳng hề quên. Nhưng mà trẫm chưa có dịp tỏ lòng cảm tạ.

Nay là ngày kỷ niệm đệ tam châu niên cuộc bình chánh của người, đã phải lúc thiết lễ trang nghiêm phong cho người một tước vị cao sang hơn hết của Triều đình có thể ban raặng thừa nhận công dày đức trọng. Trẫm tôn người lên vị Phò Quốc-Vương đặng tỏ lòng Trẫm rất khen và rất mến.

Về lễ nghi phong tước, Trẫm hạ lệnh cho các Ty chủ vụ thi hành theo nghi thức thường dùng.

∴

Bài diễn-văn của quan Thượng-thư Khâm-sai PHẠM-QUỲNH đọc trong cuộc lễ phong tước Phò Quốc-vương cho quan Đề-đốc Thủy sư Jean DECOUX.

Bẩm quan Đô-đốc,

Đức Hoàng-đế đã dùng lời lẽ rất cao-tôn đặng khắc vào bầu đồng bia đá đặng tỏ những cảm-tình trân-trọng, mến-yêu, tri-ân và ái-mộ đã khiến Hoàng-gia và Nam-triều làm một việc trang nghiêm long-trọng, là ban cho Thượng-quan tước-vị cao-sang hơn hết của Nước-nhà, là tước « Phò Quốc-Vương ».

Sau mấy lời phong-tặng cao-tôn của Đức Hoàng-đế rất mến yêu chúng tôi, tôi đây được phần vinh diệu đặng cho Thượng-quan một nhiệt-thành tôn-kính và cảm-tạ của các quan và nhân dân Nam Việt. Tôn kính thân thể Thượng quan ở đây là biểu hiện sống của Pháp quốc, của Pháp-quốc cao-tôn và thọ khổ, càng đáng cho chúng ta thương mến giữa những sự gian nan kinh khủng dập dờn. Cảm tạ vì những ân của chúng tôi được hưởng nhờ nơi Thượng quan, là người đã cho chúng tôi sự hoà bình yên ổn giữa một loạn cầu rất dữ dội rồi.

Lịch sử sẽ bia ra công nghiệp của Thượng quan tại Đông Pháp giữa cái thời kỳ có lẽ là nguy nan hơn hết của xứ này đã sống xưa nay. Nhưng mà từ đây, các nhà cai trị và nhân dân Việt Nam đã biết mình nhờ ân đức của Thượng quan đến đâu rồi. Bởi vậy cho nên ai nấy cũng hết lòng tán thành cử chỉ của Quân-Vương mình, cử chỉ ấy người người đều hiểu rõ ý nghĩa cao siêu. Do cuộc phong tước nghiêm trang này, Thượng quan trở nên trước mắt mọi người, một đại ân nhân phò hộ Vương-quốc. Về hạng thượng lưu trong nước, cuộc lễ này còn

có một ý nghĩa sâu hơn. Lễ ấy làm cho thật hiện, trong một phạm vi cao hơn cơ hội hiện thời, sự liên hiệp không lìa của hai nước Pháp Nam, tình bằng hữu của hai dân tộc liên kết nhau chẳng những vì những mối dây chánh trị và lịch sử, mà cũng vì những sức của tâm trí tương ứng tương cầu, càng ngày càng tăng trong cuộc sanh tồn chung hiệp hơn một thế kỷ và năm chục năm nay.

Lòng đầy cảm tình mến yêu Thượng quan và trung thành cùng Pháp quốc, chúng tôi xin Thượng quan nhận sự tỏ bày niềm vui lớn của chúng tôi và sự kính dưng lời khen tặng rất nhiệt thành và tôn trọng của chúng tôi trong dịp Thượng quan được phong lên tước vị cao tôn hơn hết trong xứ.

Chúng tôi nhân dịp này xin Thượng quan vui lòng chuyển đạt cho Đức Quốc trưởng và quan Thủ lãnh Chánh phủ lời nguyện tôn trọng sâu xa, tin cậy không sờn và trung thành trọn đạo của chúng tôi.

...

*Bài diễn văn của quan Đô đốc Thủy sư Jean DECOUX
đáp lại lời quan Thượng thư PHẠM-QUỲNH.*

Thượng quan,

Sớm mai này Thượng quan phụng mạng Đấng Chí Tôn đến trao cho bốn chức tước vị cao tôn hơn hết của Hoàng gia Nam Việt có thể ban ra. Cử chỉ có ý nghĩa biểu hiện ấy làm vinh diệu bốn chức rất nhiều. Bốn chức xin nói với Thượng quan rằng bốn chức rất cảm động vì những lời, từ đây đã vào lịch sử, trong tờ Dụ của Đức Hoàng đế, và bốn chức rất trọng giá mấy cái cảm tình cao thượng của Thượng quan đã tỏ cho Bốn chức trong những lời lẽ vô song.

Với một mối tình cổ cập cảm động, Đức Đại Nam Hoàng-đế đã cố ý làm cho cuộc lễ này trùng một ngay với cuộc kỷ niệm đệ tam châu niên của việc bốn chức bắt đầu cầm quyền Chánh phủ Đông Pháp.

Trong thời-kỳ rất nặng nề đủ các phương diện này, bốn chức có thể nói rằng bốn chức đã lo có một điều là dùng hết thể lực mà giúp Đông-Pháp và nhất là bảo thủ những quyền lợi tôn của xứ Việt Nam, là cột cái của Liên-Bang. Trách nhiệm ấy bốn chức lấy làm đẹp ý mà nhắc lại ở đây, đã thi hành được rất dễ dàng nhờ sự tận tâm và lòng trung thành không chút do dự, của Bốn chức đã gặp trên đất Việt-Nam bảo tồn cố lực, trong các phẩm cấp cầm quyền, từ quan-trưởng, từ Chánh-

phủ Nam-triều, cho tới ngọc thể Chi tôn Đại Nam Hoàng Đế, là vị thừa tự rất xứng đáng của các tiên vương hiền tích.

Mà tình giao hảo giữa Triều Huế và nước Đại Pháp nay đã thuộc về lịch sử. Trước kia, cách một thế kỷ rưỡi rồi, một danh nhân Pháp là Pigneau de Béhaine, với tấm lòng khoan nhơn và vô tư, đã phục hưng vương mạng trên đất Việt và đã giúp đặt lên ngôi báu đức đại Hoàng Đế Gia Long, người khai sáng nhà Nguyễn.

Tình bằng hữu Pháp-Nam gần sáu mươi năm đã có thể vào thời kỳ hiện tại. Trong thời kỳ ấy hai nền văn minh, tuy vài người cho là rất khác, song rất dễ bề bổ túc cho nhau, đã luôn luôn thấm-thía nhau, điều hòa đẹp đẽ. Chính là một điều vinh diệu cho tinh thần nước Pháp cái sự đã làm cho cuộc đất Việt Nam cũ kỹ, vẫn bảo tồn lễ nghi thiên cổ, thành ra chỗ hội hiệp Nam phương và Tây phương, và đã biết phối hiệp trong xứ này phong tục tổ tiên với phong trào tân tiến, như cuộc lễ cảm động hôm nay làm cho chúng ta thêm thấy một lần bằng chứng hiển nhiên.

Ngày hôm nay là ngày kết thêm một mối tình bằng hữu giữa hai nước ta liên lạc không rời, Bồn chức rất hân hạnh mà tỏ cho Thượng quan lòng cảm tạ riêng của bồn chức. Bởi vì Thượng quan là một vị trong mấy người có công hơn hết trong cuộc hiệp tác Pháp Nam, và Thượng quan chẳng hề ngớt dùng tài năng và trí tuệ dặng giúp ích cho công cuộc đồ sộ ấy. Bồn chức cũng cảm ơn Chánh phủ và Quan-trưởng Triều Nam, hôm nay có chư vị đại diện ở đây rất vinh hiển. Bồn chức xin Thượng quan đệ trình điều ấy lên cho Đức Chi tôn Hoàng đế của Thượng quan. Về phần Bồn chức, thì Bồn chức không quên cho Thống chế Quốc trưởng và quan Thủ lãnh Chánh phủ Pháp hay cuộc ban tước cao tôn cho bồn chức hôm nay. Sự ban tước ấy vượt khỏi thân danh Bồn chức mà thấu đến Pháp quốc, và chắc rằng Pháp quốc sẽ cho đó là một cái bằng chứng mới thêm để tỏ lòng trọn tin và hi vọng.

Sắc của Đại Nam Hoàng Đế phong tước «Phò Quốc Vương» cho quan Đô Đốc Thủy Sư Jean DE LOUX. (Dịch theo bản dịch Pháp văn đăng trong OFI ngày 24 Juillet 1943).

Khâm-thừa thiên-mạng,

Quân-nhơn, Đại-Nam Hoàng Đế,

Sắc rằng :

Đấng cao nhơn đã đến xứ này, có toàn tài làm Thủ hiến

và Tướng quân; người dành nêu gương cao thượng. Chức tước quý tộc là những vật quý báu hơn hết của Triều Đình để ban thưởng cho xứng với công và đức. Muốn thưởng công cao, phải ban tước trọng.

Quan Đô-Đốc Thủy Sư Jean DECOUX, Toàn-Quyền Đông-Pháp, Khâm-mạng Đại thần Pháp-quốc tại Thái Bình Dương, có một cái danh vang cao-khiết dường như vẻ ngọc Khuê, Chương-Làm tướng thì nổi danh thao lược, chí quyết, tài cao. Bên Đại-Pháp, người đã có tên tuổi là Thủy-Sư Đô Đốc toàn tài, đã cầm quyền chỉ huy quốc gia quân đội.

Đông-Pháp lấy làm rất quan hệ mà nương dựa nơi người; người là một cái lũy bền như Vạn lý trường thành. Giữa cơn sóng gió ngất trời, một mình người cầm vững lái cho thuyền đi yên ổn.

Trong hoàn cảnh này, đất đầy gió bụi. Nhưng gian nan càng nhiều, càng rõ tài cao. Sức cương nghị của người chở che năm xứ: Trung kỳ, Nam kỳ, Bắc kỳ, Cao miên và Ai lao. Người đã kết chặt mối tương thân với các nước láng giềng. Về chánh trị, người theo tam chủ nghĩa: « Cần lao, Gia đình, Tổ quốc » đặng truyền bá tinh thần phục hưng, là cái tinh thần được quý trọng trong Tân Pháp quốc.

Thời kỳ hiện tại muôn khổ dập dồn, Bốn biển hoàn toàn như vạc dầu sôi, hơn dân không cùng lo sợ. Quan Đô đốc DECOUX trở tài hạo đại đối phó mọi điều trở ngại bốn phương.

Chỉ có một tay người làm cho đất nước — hưởng riêng đặc quyền — ở trong một vùng yên tĩnh bên bờ Thái Sơn. Làm vậy thì có khác gì Châu Công, ba năm cực khổ Đông Sơn, bình tâm tịnh trí, thường mang bìa đồ mặc áo cón hoa, làm cho dân miền đông vui người ở đó, ca tụng đức tài.

Muốn kỷ niệm muôn thuở kỳ công, thì người ta ghi vào Đơn Thư cùng trên Thiết Khoán. Quả như định công nhiên long trọng phong cho Quan Đô đốc DECOUX một tước quý tộc cao sang để công nhận tài siêu việt của người.

Cho nên Quả như phải một Khâm sai lãnh sắc khắc băng vàng, di ban cho người tước « Phò quốc vương » đặc biệt.

Chúc cho hoa báo người mặc từ đây, làm vui lòng thành bạn quý! Chúc cho tước quý tộc của người thọ hưởng, tồn tại ngàn thu, sánh cùng non nước, và để tiếng đời đời nơi phủ Vương gia! Và chúc cho vinh quang của người thừa nhận, rồi dấu muôn đời!

Khâm thư

I — SỰ TIỀN - HÓA

CỦA NHÂN-LOẠI



NHỮNG thời kỳ chưa có lịch sử, các nhà khảo cổ và sử học ngày nay muốn sưu tầm những di tích về thời ấy, thì chỉ ước đoán tưởng tượng vậy thôi. Như thế, không lấy gì làm bằng cứ xác thực lắm. Vì vậy, theo danh từ sử học, thời đại ấy gọi là « tiền sử ký » hay « vô sử thời đại » (période préhistorique).

Vốn ở vào một thời kỳ hôn mang ngu muội, chưa có văn tự thì làm gì có sách vở để lại cho đời sau được kê cửu xác đáng những công cuộc sanh hóa của loài người đã chìm sâu trong quá khứ. Vì vậy, ngày nay muốn nghiên cứu một cách tường tận những điều gì, vật gì, ở cổ thời là một điều rất khó khăn và không bao giờ được viên-mãn.

Sở dĩ ngày nay, nhà khảo cổ học tìm biết được những cuộc sanh hóa của loài người đời thái cổ là do xương hay dấu vết gì thuộc về loài vật, cùng những đồ cần dùng, đồ vàng bạc ; hoặc những đền thờ, những lễu chòi, tục truyền, những hình đục đẽo trong hang hóc, hay những đồ binh khí chìm sâu dưới biển hoặc ở từng lớp đất. Nếu tìm được đồ dùng ở lớp đất nào, thì nhà địa chất học và khảo cổ học định theo từng thời-đại của lịch-sử địa cầu mà phân-tích sự tiến-hóa của nhân loại.

Vậy theo đó, nhờ công tìm tòi của những nhà bác học ấy, ta mới nhận thấy trong thời kỳ sơ nhất và đệ nhị thạch hệ (époque primaire et secondaire), thì trên mặt đất có những giống rằn lùn, voi lùn, cá lùn ; ngày nay đào sâu trong đất, người ta còn thấy được những xương rất to của loài thú ấy.

Và đến cuối đời đệ tam thạch hệ và đệ tứ thạch hệ (époque tertiaire et quaternaire), thì mới thấy có xương người. Vậy thì loài người đã có ở vào đệ tam thạch hệ rồi.

Lúc ban sơ, loài người sống một cách hết sức khổ cực và như một loài thú dã man. Nhưng lần lần nhờ hoàn cảnh thiên nhiên biến đổi và sức sanh sản của những khí cụ cần dùng

trong cuộc sanh hoạt, nên loài người từ dã man rồi mới tiến đến văn minh.

Nhà khảo cổ học chia sự tiến hóa của loài người ra làm 4 thời đại :

1. — Thời-đại đồ đá đẽo hay là thời-đại cự-thạch-khí (âge de la pierre taillée ou période paléolithique). Vào thời này loài người ở trong hang cùng hố thẳm (troglodyte). Họ không có quần áo mặc, chỉ dùng lá cây hay da thú để làm khố che thân. Họ lại biết cần dùng những đồ trang điểm bằng xương và biết đục đẽo những hình tượng trên vách tường. Sự sinh hoạt của loài người hiện giờ chỉ bằng săn bắn và đánh cá.

2. — Thời-đại bằng đá chuốt hay thời đại tân thạch khí (âge de la pierre polie ou période néolithique) là lúc loài người biết quần tụ nhau thành từng bộ lạc. Nhưng lại hay di cư. Thời ấy họ biết đôi chút đồ cần dùng cho nhau và biết cất nhà cửa theo lối nhà sàn trên mặt nước (cités lacustres sur pilotis). Như thế để tránh nạn thú dữ và dễ tiện bề đánh cá.

Đã biết cất nhà, lẽ cố nhiên họ cũng biết làm những đồ đạc chung dọn trong nhà như chén hũ bằng đất. Họ lại biết dùng đến những đồ để chống với thú dữ mà bảo tồn sanh mạng như búa, tên nhọn, dao găm. Họ lại bắt đầu nuôi thú vật, biết trồng trọt vài thứ cây có trái, săn thú bắt cá bằng lưới, biết dùng ghe bè, da thú và biết làm mả chôn cùng thắp thờ. Nhưng nhất thiết vật gì cũng còn mộc mạc đơn giản lắm. Họ lại còn bày ra cúng kiến như thờ đá gỗ, thần vật (amimisme hay fétichisme). Vào thời này có một điều rất cần thiết trong sự tiến-bộ là tìm được lửa để giúp trong công cuộc chế tạo đồ kim khí.

3. — Thời đại đồ đồng và thau (âge du cuivre et du bronze) là lúc loài người cũng vẫn còn ở nhà sàn cất trên mặt hồ, mặt đầm, nhưng biết tìm chỗ ở kiên cố hơn. Có một sự tiến bộ hơn trước là họ biết dùng cuốc trong sự trồng trọt. Cách nuôi súc vật cũng to lớn thêm. Những bộ lạc lại hay đổi chác đồ cần dùng và biết di giống cho nhau.

4. — Thời đại đồ sắt hay thời kỳ có lịch sử (âge du fer ou historique). Vào thời kim loại thì loài người đã biết cày bừa, biết xây cất nhà cửa một cách hoàn hảo, biết dùng đồ trang, lại có đủ binh khí để chống với loài thú dữ một cách mạnh mẽ hơn. Người ta lại càng nuôi nhiều súc vật như chó, ngựa mà người thời bấy giờ còn tìm thấy được nhiều hàm thiếc ngựa. Và, cũng vào thời này, loài người lại biết bày chữ để

ghi nhớ. Đó là một thời kỳ mới trong lịch sử văn minh vậy.

Vì sự chăn nuôi lục súc mới buộc họ di cư để tìm những đồng cỏ mới. Bởi thế trong lúc di cư, có một vài thị tộc gặp dịp may tìm được những vùng phì nhiêu có khí hậu lạnh, có đủ nước ngọt ngon cần dùng và có cây cối cỏ hoa sâu phát. Nghĩa là chiếm được những bình nguyên hay những vùng châu thổ có đất bùn màu mỡ và những gành bãi để trú ngụ.

Nơi đó, lần lần họ đổi cuộc sinh hoạt về sự nuôi súc vật sang đời sống bằng sự trồng trọt cây cấy. Và, từ đó họ không còn cần phải di cư nữa, mà trái lại, họ được thông dong, có đủ thức cần dùng để tự do xai phí. Những giống nông tọc (agriculteurs) này bởi chuyên về nghề trồng trọt cây cấy nên vẫn lập gia cư một chỗ (sédentaire). Vì thế, họ biết tìm phương chế biến những công cụ trong cuộc sinh hoạt cho thích hợp với nhu yếu cần dùng của loài người. Nhờ vậy mà họ được tiến bộ nhiều. Nhưng lại bị những bọn chăn nuôi lục súc là dân du tọc, vì không định cư nên còn dã-man thường xông đến đánh phá.

Nhiều nhà địa chất học (géologues) cho rằng những dân tọc văn minh cực điểm là do ở những miền có khí hậu ôn hòa. Như xứ Europe, Amérique, Japon... Còn thì những miền khác trên quả địa cầu, phần nhiều chỉ được văn minh tầm thường hay còn bán khai, hoặc văn minh thời tối cổ hay còn dã man rừng rú.

Về văn minh Tây phương thời tối cổ thì có Ai-cập, Hy-lạp, La-mã... Văn minh Đông phương thì có nước Tàu, Ấn-độ. Văn minh này do một giống dân da vàng lập nên, gốc ở Trung-bộ Á-châu.

Như trên đã nói, nhờ có văn tự mới có sử sách truyền lại cho dân chúng về sau này được biết cuộc sinh hoạt của loài người thời quá-khứ và sự tiến bộ của những nước trên quả địa-cầu. Đồng thời, sử học là một mảnh gương phản chiếu một đoạn đời. Người ta đem ra đối chiếu với thời hiện-tại để so sánh ngày xưa và ngày nay trong những điều lầm lẫn hư tệ để sửa đổi, để xa tránh...

Tổng lại, sử học là một phương pháp gần khoa học giúp cho ta được biết cả nguồn gốc các phong trào trong xã hội và những khuynh hướng của xã hội để ta đoán được cùng gây tạo một phần tương lai.

Nhà sử học chia lịch sử Âu châu làm 4 thời đại :

1. Thượng cổ thời đại (l'Antiquité).— Từ đời thái cổ cho

đến thế kỷ thứ 5. Khi La mã Đông đế quốc (Empire d'Orient) mất, năm 476 sau kỷ nguyên.

2. Trung cổ thời đại (le Moyen âge). — Từ cuộc xâm lăng Đôn Nhung Hồ (Barbares) vào thế kỷ thứ 5 đến lúc người Thổ nhĩ kỳ (Turcs) đánh lấy thành Constantinople năm 1453.

3. — Cận kim thời đại (les temps Modernes) từ thế-kỷ 15 đến 18. Hay từ năm 1453 đến cuộc cách mạng nước Pháp 1789.

4. — Thời hiện đại (Epoque Contemporaine). Từ 1789 cho đến ngày nay.

Mỗi một thời-đại đều có một sự tiến bộ khác nhau.

Về lịch sử Đông phương lại khác hơn lịch sử Tây phương. Vì sự văn minh ở Đông phương tuy sớm nhất, như nước Tàu là một nước văn minh kỳ-cựu và xứ Ấn-độ cũng đã thành phát lâu đời, nhưng lại bị đình trệ, không tấn triển được như văn-minh Tây phương.

Sở dĩ, người ta biết được những cuộc sinh hoạt của giống nòi ở thời quá-khứ là do có nhiều tài liệu về sử học của những người ở những thế kỷ đã qua. Như những đài kỷ-niệm danh nhân, đồ chạm nổi (bas reliefs), bia đá, chữ tạc trong bia, văn tự, sách sử, những tích truyện, tục truyền, truyện ký (biographies), những thần thoại (mythologies), khẩu truyền, sách đạo...

Một nước gọi là văn-minh gồm có sự phát triển về văn học, khoa học, kỹ nghệ, mỹ thuật, tôn giáo, tập tục, luân lý, triết học, chính trị, kinh tế...

Tóm lại, người đời thái cổ sống như giống thú dã man, sinh hoạt bằng sự săn bắn, đánh cá và chăn nuôi lục súc hay di cư. Sau rốt, họ biết trồng trọt cây cấy, ở yên một chỗ và biết chế tạo những đồ bằng khoáng sản.

Lúc ban sơ, những xứ ở phía miền có khí hậu nóng nực, nhưng được đất địa phì nhiêu là nhờ có giòng sông Nil, sông Euphrate và sông Tigre bồi đắp lên, như xứ Ai-Cập (Egypte), Assyrie và Ba-bi-lôn-đuy (Babylonie) hay Căn-đê (Chaldée).

Và, đó cũng là một động lực trong sự tiến bộ của những dân tộc này vậy.

QUANG-PHONG

Kỷ sau : II. — Dân Ai-Cập. — Dân Do-Thái.

TÌNH TRI-KỸ

*L'amitié ! Rien n'est plus commun que
le nom, rien n'est plus rare que la chose.*
LA FONTAINE.

(Tình tri kỷ ! Đó 'à một danh từ hết
sức phổ thông, một vật hết sức hiếm.)



RONG đời không có cái tình nào cao thượng hơn
tình tri kỷ, nồng nàn hơn tình tri kỷ.

Trước những thương tình dễ cảm, những ham
muốn sâu xa, tình tri kỷ—một báu vật của Tạo
hóa ban cho loài người—xây nên bất diệt, dựng
đài tận chung làm nơi con người gửi cả tâm hồn.

Tình tri kỷ bao gồm những cảm giác đậm đà của tâm ta,
những lo lắng dớn dàu của lòng ta. Nó thường công khi ta thẳng
trận trên đường đời, nó an ủi khi ta gặp chông gai trắc trở.

Tình tri-kỷ ví như lượng sóng tác hợp đẩy đưa cõi lòng
của hai người đứng đôi bên bờ sông, chẳng khác nào luồng
điện dẫn hai người xa lạ gần nhau ; lúc ban sơ không ai để ý
đến, một khi thâm giao rồi, càng rõ lòng nhau càng khẩn khít
nhau.

Khi ta được gọi người nào là tri kỷ, tức nhiên hai tâm hồn
như một, và ta đã tìm được một vật vô giá trên đời này vậy.

Trong những cuộc truy hoan, không nên lựa bạn đồng tâm.
Thường thấy nhiều người quea nhau trước ly rượu, bên mâm
đen, gần con hát, trên ván bài đã vội gọi nhau là tri kỷ, mơ
hồ không thấu đáo ý nghĩa của hai tiếng tri kỷ.

Những rung động về vật dục chỉ làm thỏa thích thể xác
chờ tâm-can trí não chẳng ăn nhập vào. Ngọn lửa dục đốt lên
trong giây phút sẽ tắt liền theo đó, chỉ để lại một đống tro tàn
mà ngày giờ sẽ làm cho nguội lặn đi vậy. Lắm khi tình yêu về
thể xác có thể dứt tuyệt một cách quả quyết, bất-ngờ, do 'úc ban
sơ quá dục tốc ; hoặc giả khối tình bằng bài kia sẽ tiêu tan lặn
lần như bọt nước, và một khi ngọn lửa dục đã tàn rồi thì
trong cõi lòng ta họa chẳng còn sót lại một bài học khôn đề
an ủi ta trong những giờ sầu giờ cảm của đời.

Trái lại trong tình tri kỷ, tuy không có những phút vô cùng khoái lạc về xác thịt, nhưng lòng tín nhiệm và sự qui yêu, kính mến lẫn nhau cũng nồng nàn vui sướng vậy.

Thương người với tình tri kỷ, tức là dứt bỏ tánh ích kỷ đặng giúp đỡ kẻ khác, dầu cho phải hi sinh tất cả mọi điều hạnh phúc và có khi đến tánh mạng đặng cứu vớt người mình yêu qui.

Người tri kỷ, khi giúp đỡ bạn, không biết lựa chọn, trao ra bất kể đếm, về vật dụng tiền tài cũng như về tinh thần trí nảo ; và, nếu phải trao tất cả cho bạn, người cũng vui lòng trút túi.

Người tri kỷ chỉ biết lấy cái vui của bạn làm cái vui của mình, và sẽ đặng vui cực điểm lúc nào người có thể giúp đỡ bạn hết lòng, không màng đến thân mình.

Tìm được một người tri kỷ, tức là có một bạn bên mình, cùng nắm tay nhau đi trên đường đời chông gai, khổ cực ; tức là được một cái hoa đẹp mùi thơm để khuấy khuấy nỗi lòng khi dặm trường lữ thứ ; tức là được một ngọn đèn sáng suốt soi những hăm hố buội bờ cho ta tránh ; tức là khi buổi sớm vui chơi, khi trời trưa nóng bức, khi xế chiều mát mẽ, cảnh xui lòng hoài cảm, được một người đồng một cảm giác, biết khuyên lơn, biết răn dạy, được một người dám vì mình mà cũng dám vì chúng tộc, được một tình thương vô cùng tận và độc nhất vô nhị. Hữu ích thay tình tri kỷ, đậm đà thay tình tri kỷ ! Mạnh lực của tình tri kỷ có thể sửa đổi cảnh đời mờ ám tối tăm của con người ra một cõi vô cùng sáng lạng và xinh đẹp.

Tình tri kỷ còn có thể thay đổi nghĩa vợ chồng một khi đã lọt phai ra mặn mà đầm ấm. Rất hạnh phúc cho những kẻ đứng trước cảnh éo le của ái tình vô hy vọng mà có đủ nghị lực đè nén lòng yêu và thay vào đó một mối tình chơn chánh của người tri kỷ ! Nương, hỡi ôi ! cái ý nghĩa quý báu, đẹp đẽ, cao thượng của sự thay đổi này có lẽ ít người thấu đáo và biết thưởng thức.

Luật đầu tiên của tình tri kỷ buộc ta phải có dạ khoan hồng và có lòng nhơn ái.

Những điều thất vọng của ái tình người tri kỷ không khi nào biết tới. Dầu cho bạn có phụ rẫy, mối tình tri kỷ vẫn còn trong trẻo, sáng suốt ; ngoài ra, người tri kỷ còn cố tìm biện đề chữa lỗi và tha thứ cho người bạn bất nghĩa nữa.

Khi ta được thông dong trên đường hạnh phúc, người tri

kỹ đường đường chánh chánh chung hưởng cùng ta. Rồi ta sa cơ thất thế, ta cũng còn tri kỷ bên mình ; nhưng người tri-kỹ đứng xa, như có dằng rút rè, ngại rằng đột-ngột_gần ta, rồi chẳng may lỡ lời khêu gọi nỗi đau đớn của lòng ta. Lúc đó nếu ta xem cho rõ, ta sẽ thấy rằng người nào thật tri kỷ của ta thì không bao giờ thừa cơ hội éo-le, khổ khắc của đời mà làm cho ta bớt lòng tin nhiệm.

Trong các điều bất hạnh, trong những khoảng đường hắc-ám, trong không - khí nặng nề ở trước cửa một cơn binh trảm trọng, người tri kỷ cùng chia sẻ với ta, rồi dắt cho ta đi và ấp yêu cho bớt khổ.

Nếu ta biết lựa tri-kỷ, nếu tìm ta thấy mạnh khi người tri kỷ gần ta, ta sẽ không lấy làm lạ những lúc mắc phải chông gai không còn cô thân chiếc bóng. Nhưng nên dè dặt, chớ dễ bị mê hoặc về cái đáng điệu bề ngoài của con người. Ta có thể làm phũ cho con người những quý-tánh mà nó không có, cũng kính trọng nó hơn sự thật. Nên do theo những chuyện phải, điều lành mà xét đoán người tri kỷ. Khéo ! khéo lắm cách hảo tâm giả dối của bọn người tự tôn và ích kỷ, thường lấy tình tri kỷ làm một cuộc vui giải muộn, khuây khoả ngày giờ biếng nhác.

Nếu ngẫu nhiên ta gặp người nào, một khi biết được cảnh thế của ta, mạnh dạn chỉ bảo đường chánh nẻo tà cho ta, vui lòng hiến thân và chẳng ngại gian nguy cứu giúp ta ; người đó có thể trở nên bạn tri kỷ của ta đáng. Đừng ngần ngại chi, hãy giao thiệp với người.

Kết tình tri-kỷ cùng ai, nghĩa là hiến cả tinh thần và xác thịt cho người đó, quên lẫn tư lợi, lo giúp ích cho kẻ khác, chỉ ham vui làm phải vì việc phải, không màng nghĩa trả ơn đền cùng tiếng khen lời tặng.

Tình tri-kỷ buộc ta không giờ phút nào quên giúp ích cho bạn, khiến ta tìm đủ phương thế dặng làm cho bạn vui lòng, bảo ta phải tự biết tìm trong tâm của bạn những câu trả lời cho tiếng gọi của tâm ta.

Nếu tình tri kỷ có thể thay vào tình ái lúc sắp rã tan, thì tình tri kỷ cũng có thể sống chung cùng tình ái và hơn đó nâng cao cái tánh cách cao thượng của hai mối tình nhập một.

Một người đàn ông quý yêu đến cực điểm một người đàn bà, cũng có thể tìm trong người mình yêu một bạn tri kỷ đẹp, biết chiều chuộng, biết xét đoán một cách khôn khéo điều phải chuyện, quấy của mình.

Sở dĩ người đàn bà phó thác cả xác lẫn hồn cho người yêu và vì đó không còn biết nhìn tình quân với cặp mắt tri kỷ, là do người đàn ông quá tự trọng, hay cũng mù quáng vì ái tình, không chịu hay không biết nâng cao tình yêu của bạn chung tình và lợi dụng tình yêu đó để dui dặc nhau và đặt trình độ tư tưởng của đôi bên ngang nhau; trái lại, thường để cho vật dục làm mờ ám cả tánh chất đáng quý của người đàn bà. Bởi vậy, luôn luôn người đàn bà dựng cho người yêu trọn quĩ tâm mình, nhưng chỉ về tình-ái mà thôi.

Một khi vướng vào lưới ái-tình, người đàn bà hình như quên cả mọi sự khác, chỉ biết nung nấu, nuôi nấng khối tình của mình và cho đó là điều đáng lo nhất trong đời mình. Những lúc mê muội đó, họ không còn xem ai là tri kỷ cả.

Phần người đàn ông — mà đây cũng là số ít — dầu cho bị tơ tình ràng buộc thế nào, cũng không quên được bạn tri-kỷ. Đối với họ, tình-ái không phải là cần thiết và không thể thay đổi cuộc đời họ được. Đã có đủ nghị-lực ở đời thì những dằng-đieu đồng đánh lảng lơ không thể nào lay chuyển tâm-chi họ được.

(Còn nữa)

PHONG-VŨ

Viết theo quyển « *Le petit reliquaire de l'Amilié* » của F. de Joannis)



Nước Pháp mới yêu-cầu cho có những người tới hoạt động với một tâm hồn mới; nước Pháp sẽ có những người ấy.

Thượng-tướng PÉTAİN

ĐẢ XUẤT BẢN

HUẤN TỬ CA

— của NGUYỄN VIÊN-KIỀU —

Mua sỉ và mua lẻ do

Nhà xuất bản ĐẠI-VIỆT

Giá : 0 \$ 20 — 5 Rue de Reims 5. Saigon

NHÀ SỬ-HỌC

TRONG một bộ tiểu thuyết của Bernardin de St Pierre tôi còn nhớ một câu nói như sau này: « Chuyện đương thời, ấy là chuyện đã qua, ấy là chuyện sẽ tới. »
(L'histoire de ce qui est, c'est l'histoire de ce qui a été et de ce qui sera).

Đó là một câu nói triết lý, nhưng là một thứ triết lý ngược đời, phôi thai từ cái đầu óc kỳ chương của văn hào J.J. Rousseau mà Bernardin de St Pierre chỉ là một người đồ đệ.

Theo cái triết lý đó thì con người nên sống tự nhiên, không cần gì phải có văn học, có nghệ thuật, có lịch sử vì những cái đó chẳng bổ ích gì cho ta mà còn làm cho cái bản chất của ta một ngày một hư đốn.

Cái triết lý đó có lẽ thích biệp với những dân tộc dã man lạc hậu, những dân tộc sống một cách đơn giản ở những nơi rừng rậm, núi cao.

Họ sống ngày nào họ chỉ cần biết có ngày đói. Mà chuyện ngày đói, theo họ, có khác gì chuyện những ngày đã qua, hay những ngày sẽ tới.

Ngày nào họ chẳng phải ăn, phải uống, phải làm, phải chơi?

Ta cũng ăn, cũng uống, cũng làm, cũng chơi, nhưng ta phiền phức hơn họ đủ thứ, vì ta có một cái bản ngã phong phú hơn họ biết bao nhiêu.

Ta biết nhiều hơn họ nên ta cảm nhiều hơn họ. Cũng như họ, ta sống với bản năng. Nhưng khác với họ, ta còn sống bằng tư tưởng.

Tâm hồn ta nhờ chịu ảnh hưởng văn hóa nên vừa súc tích, vừa linh động.

Nó không cho ta được sống thân nhiên giữa cõi đời phiền phức mà nó cũng không cho ta chỉ quan thiết tới hiện tại mà vô tình với những chuyện sau, xưa.

Bởi thế nên ta vừa sống rộng ở không gian, vừa sống dài theo thời gian, sống ở xứ mình mà muốn biết chuyện bao - đồng

thế giới, sống ở thời này mà bận lòng đến những việc xảy ra trong những thế kỷ đã qua rồi.

Nhưng chuyện đương thời ta còn có thể biết được một cách dễ dàng. Tới những chuyện quá khứ ta không thể không nhờ đến công phu của những nhà sử học.

Họ cũng là những nhà văn nhưng họ không thêm dễ mắt đến những tấn kịch của người sống mà lại ân cần săn sóc tới những bóng ma ở những cõi thâm u trong đám sương mù của thời gian bao phủ.

Họ tìm kiếm những trang sách xưa, những câu thơ cổ, những tấm mộ bia, những nơi thắng tích, rồi họ ghi, họ chép, họ chấp, họ nối, họ kỹ thuật những việc đã qua, họ nói về những người đã chết !

Công việc đó nhiều khi chỉ là công việc của những nhà học giả nhàn nại mà khô khan. Nhưng thỉnh thoảng trong sử giới cũng nảy ra được những thiên tài có tâm hồn nghệ sĩ.

Ở Tàu có Tư-mã-Thiên là một nhà văn trước hết đã viết lịch-sử bằng ngọn bút thi-nhơn. Nhà danh nho Mả-Tồn đã khen tặng bậc kỳ-tài đó bằng những lời trọng-bậu mà Phan kế-Bính tiên sinh đã dịch như sau này :

« Tư-Trường bình-sinh tính hay chơi, đang lúc tuổi trẻ, hằng
« hái tự-phụ, không dừng chân ở nhà mấy khi, không phải là
« say đắm mê chơi dẫu, nghĩa là xem cho trái biệt cảnh lạ lùng
« thiên-hạ để giúp cái khí văn-chương rồi mới nhả ra mà làm
« sách. Nay xem trong sách của ông thì tựa như cảnh tượng lúc
« đi chơi. . . . »

« Bơi đò trong sông Nguyên, chèo thuyền trên sông Tương,
« viếng hồn ông Khuất-Nguyên, xót thương bà Nga-Hoàng, trông
« trên đầm trúc còn vết nước mắt, mà không biết xương thịt
« còn nguyên ở trong bụng cá hay không, cho nên văn-chương
« tức-bực mà xót xa rần rĩ.

« Lại chơi qua phía Bắc, tới gò Đại-Lương xem chỗ chiến
« trường của Hán, Sở khi trước tựa như còn nghe thấy tiếng
« Hạng-Vương âm-oạ quát tháo, tiếng Cao-Tổ chửi mắng om sòm
« như rồng bay, như cọp nhảy, như có muôn binh, ngàn ngựa,
« cung to, giáo dài, đuổi nhau mà reo lên ầm ầm, cho nên văn
« chương hùng vĩ, mạnh mẽ, khiến cho người ta phải sởn
« óc, rùng mình. »

Ở Pháp từ thế-kỷ 19 cũng sản xuất được mấy nhà sử học chan chứa những thi-cảm, thi-linh.

Augustin Thierry đã tận tụy với sự-nghiệp cho tới đui hai con mắt mà vẫn không chịu bỏ dở công việc của mình.

Ông nói : « Nay tôi đui mù, đau khổ, đau mà không hy-vọng lành, khổ mà không hồi dứt đoạn, tôi xin làm chứng cho câu nói này mà ở tôi thì không còn nghi ngờ được nữa :

« Ở đời có một cái đáng giá hơn những thú vui vật - chất, hơn cả tiền của và sức khoẻ của mình, đó là sự tận tâm với học vấn .»

Ông còn nói : « Phải bài trừ những văn sĩ vô học không biết nhìn và những văn sĩ nghèo tưởng tượng không biết tả ».

Thế là ý ông muốn học vấn phải đi đôi với nghệ thuật và muốn bằng những tài liệu chắc chắn nhà sử học phải cấu tạo nên những công trình linh hoạt đủ cảm dỗ mọi người.

Cùng một quan niệm như thế Jules Michelet còn cho rằng viết sử là phải phục hoạt cái đời sống đầy đủ của kỷ vãng (la résurrection de la vie intégrale du passé).

Ông nói : « Sử học từ trước đến giờ vừa khiếm khuyết về vật chất, vừa thiếu thốn về tinh thần. Về vật chất tuy có nói đến dân tộc mà không nói tới thổ địa, tới khí hậu, tới thực phẩm, tới bao nhiêu tình trạng về vật lý và sanh lý. Về tinh thần có nói tới pháp luật, tới chánh trị mà không nói tới ý tưởng, tới phong tục, tới tư trào tấn hóa tiềm tàng của tâm hồn quốc gia ».

Ông không công nhận cái lối tham khảo ở các sách in và bắt nhà sử học phải lấy tài liệu ở di văn, ký ức của người trước, phải sát hạch những bình cũ, tượng xưa, tóm lại là phải sống trong cái hoàn cảnh của cổ nhân để phục sanh lại những đoạn đời đã chết.

Đồng thời với ông có nhiều nhà sử học cho rằng tác giả phải quên mình để nhường lời nói cho tài liệu. Nhưng ông Michelet đã chẳng chịu quên mình mà còn để hết tâm hồn tình cảm của ông vào những chuyện ông viết...

Ông nói : « Càng thấu triệt cái đối tượng của mình bao nhiêu càng yêu nó bấy nhiêu. Và có yêu, có thích thì mới có hứng thú mà ngắm, mà nhìn. Nhìn đến lần thứ hai thì tâm hồn phải cảm động rồi khám phá ra được trăm ngàn cái mà thiên hạ vô tình không nhìn thấy. Ở cái ngắm này thì sử gia và lịch sử đã hòa đồng làm một. »

Cái tâm hồn thi sĩ của ông Michelet cũng có khi đưa ông đi xa hơn sự thật, nhưng chính đã nhờ nó mà ông thấy được

cái linh hồn của những vật vô tri và tìm lại được cái sanh khí của những người thiên cổ.

Thi hào Victor Hugo đã phải khen tặng ông bằng những lời như sau này :

« Ông biết lịch-sử vì ông biết người đời. Sự nghiệp của ông vô tận như đại dương. Ở mỗi trang mà tôi cho là mỗi đợt sóng đều có những ngọc trai, hoặc hơn nữa là những phản-ánh của các vì tinh-tử ».

Với những tài liệu chắc chắn, Jules Michelet đã gây dựng nên cái cốt cách của xứ sở, phát biểu nên cái linh hồn của quốc-gia.

Trong một cuốn sách nhỏ nhan đề Le peuple (Dân quần) ông có nói :

« Tôi theo dõi nước Pháp đã lâu. Hằng ngày sống chung với Tổ-quốc từ hai ngàn năm nay ». Chúng tôi đã thấy những ngày suy bại và tôi đã biết tin rằng là nước này là nước của sự hy vọng bất khả diệt...

« Với nước Pháp không có gì là hết. Bao giờ cũng trở lại hoai hoai. Khi nông dân nước Gaule dấy lên đuổi người La-mã lập thành đế quốc của người Gaulois thì họ đã biết khắc vào tiền tệ cái chữ đầu tiên và cũng là chữ cuối cùng : chữ Hy-vọng ».

Nhưng nếu lịch sử Pháp đã cho người Pháp được tự hào trong những ngày sáng lạn, được hy vọng trong cảnh lâm than thì lịch sử Việt Nam cũng cho chúng ta được tin cậy ở mình với tấm lòng kiên quyết.

Lịch-sử đã để lại cho chúng ta những tấm gương thành, bại, những kỷ-niệm hưng vong, ta có thể lấy làm những bài học cho con đường xữ thế.

Lịch sử đã ghi những công nghiệp hiển hách của tổ tiên, đã phát biểu cái sanh lực hùng cường của nòi giống, chính là những cái nó còn vương vít ở tâm-hồn, tiềm tàng trong máu-huyết của chúng ta và làm cho chúng ta không thành nên được những kẻ Tịch-dâm vong-lô.

Nhưng nếu đọc sách lịch-sử ta đã thấy có hưng thú và bỗ-ích thì trong khi sưu tầm tài liệu chính, nhà sử học đã hưởng biết bao nhiêu thú vị trước ta.

Họ mãi miết trong những tàng cổ-viện, lần mò tới những bãi tha-ma, thơ thẩn trước giòng sông yên tĩnh, lặng ngẫm một cảnh rừng hoang vu. Và ở những nơi đó, họ đã thấy diễn ra những tấn kịch linh động mà những người đóng trò đã khuấy động với non sông.

Với một mối nhiệt tình tha thiết, họ có thể làm sống lại những cảnh tượng, những nhân vật và những hành động bị xóa nhòa, bị chìm đắm dưới giòng thời gian vô tận.

Theo họ ta lần lần thấy rõ cái giá trị thiết có của ta. Ta thấy cái văn-vở của hiện tại, cái mộng manh của đời người, cái tầm thường của thế-tục và thế-nhơn, rồi ta muốn đem ta mà hòa đồng với non sông, với đất nước để gây nên một cái gì đẹp đẽ hơn, to lớn hơn, siêu việt hơn.

Ta có thể giả thiết cho Tổ-quốc chỉ là một người nọ còn mãi, nó sống hoài vì hết thế-hệ này qua thế-hệ khác, tâm sự của tiền-nhơn vẫn sống trong tư tưởng của hiện thế và tư tưởng của hiện-thế vẫn còn lưu-truyền cho hậu-nhơn.

Gần đây ta thấy nổi lên một phong-trào lịch-sử trong giới trí-thức Việt-Nam.

Đó là một triệu chứng đáng mừng, nhưng tôi còn hi vọng sẽ ra một vài sử-gia có tâm hồn thi-sĩ.

Những nhà đó vẫn phải cần cù khắc khổ để tìm kiếm những tài liệu xác thực, những niên biểu đúng đắn, nhưng họ cũng phải là những nhà nghệ sĩ trong cách phô diễn và trình bày.

Lịch sử Việt Nam sẽ không phải chỉ là cảnh vườn riềng củ những nhà trí thức mà sẽ còn là công viên to rộng đã hấp dẫn mọi người,

THIỆU-SƠN

ĐÀ CỎ BÁN

Thi văn bằng chữ Hán, ở Nam-kỳ không có đã lâu. Nay Đặng thục-Liêng tiên-sanh mới xuất-bản một tập: «Tiền Phù-riên, Hán văn, Thi văn Toàn tập». Trong tập ấy ghi chép những lời ngâm vịnh từ Bắc qua Tàu và trở về Nam, nhiều lối tiêu tao nhã thú lắm.

* Các bạn nên xem qua cho biết. Giá mỗi tập: 0.50

Sách có để bán tại Bồn quán, số 5, đường Reims, và tại nhà riêng Đặng tiên sanh ở đường Colonel Grimaud, Saigon.

THỬ BÀN ĐỀN MỘT VÀI NGHI-ĐIỂM VỀ SƯ-HỌC TRONG THỜI TÂY-SƠN



IẾT dã sử cũng cần căn cứ ở chánh sử. Nếu sai lạc đi nhiều thì phải gọi là tiểu-thuyết lịch sử. Vậy muốn được cái danh hiệu « nhà sử học chân chính » thì cần phải thận trọng trong công cuộc sưu tầm tài liệu, rành mạch phê phán, khảo luận phân minh, chớ không được phóng bút viết cần để thêm đắc tội với sử học.

Sự cầu thả trong việc sưu tầm tài liệu và thiếu óc phê phán trong việc tổng hợp sử học tức là gieo sự ngờ vực và lăm lặc vào óc của dân chúng. Và, sau này, có nhiều học giả muốn cần lấy đó làm tài liệu/để kê cứu thêm, thì cũng không phân biệt được câu chuyện nào là đích xác để làm tiêu chuẩn cho tác phẩm của mình.

Có khi cùng một chuyện, cùng một thời đại, mà mỗi nhà viết sử lại chép khác. Như thế, làm cho những người muốn tìm hiểu biết một vài đặc điểm gì về thời dĩ vãng của chúng tộc giống nói, thì lại hóa ra ngo ngoe ngẩn ngẩn trước những tác phẩm bất đồng ấy.

Thì đây, những chỗ bất đồng trong tác phẩm của hai ông Phan Trần-Chúc và Nguyễn Mạnh-Bồng nói về thời Lê mạt đã không làm vừa lòng được những người đọc sử có óc phê phán nên vì đó, ông Hương-Trà mới lên tiếng và lược trích ra những đoạn mâu thuẫn rả rác trong tác phẩm của hai ông để độc giả xem (Đại-Việt số 15-16).

Tôi cũng như ông Nguyễn Hương-Trà, tài sơ học thiểu, không có một tài-liệu chân xác để đính chánh được những điều mâu thuẫn hay sai lầm ấy. Nhưng, ở vào lúc này, công việc sưu tầm tài liệu để đính chánh những nghi điểm của lịch sử là một điều cần. Làm một công việc to lớn này, cần phải có nhiều người hợp tác. Loài người có lăm-lặc, có hoài nghi, mới tìm được lãnh vực của chân lý.

Vả lại, người đọc sử mà chỉ khur khur theo sử tức là phản sử chớ không có lợi. Đọc sách hay là sử, trong hai đều, kẻ

nào cũng cần có nảo phê bình suy-đoán. Như thế mới khỏi mang phải tiếng là « một găm sách » ; và, như thế mới có ích lợi bổ dưỡng cho tinh thần.

Cùng một mục đích, tôi xin noi theo ông Hương-Trà và, có mấy lời góp bàn những nghi điểm về sử học trong thời Lê mạt hay Tây-sơn, mong những bậc thức giả bổ trợ đề rộng đường kẻ-cứu.

I. — Vụ tự tử của Đoan-nam vương Trịnh Khải (Trịnh-Khải hay Trịnh-Tung ?)

Xem trong Trịnh thị thế phổ, thì Đoan nam vương tên Trịnh Khải, con cả của Tĩnh đô vương Trịnh Sâm. Để tên Trịnh Tung là đem lại một điều lạ cho người đọc. Nếu Trịnh Khải có một tên riêng là Tung, hay Tung có một tên riêng là Khải, thì cũng cần phải chua một bên cho người ta biết. Nhưng thiết tưởng, lúc viết tên một nhà vua chúa nào, ta phải noi theo cho đúng trong thế phổ mới được chớ.

Trong đoạn nói về tên Nguyễn Trang lừa bắt Đoan nam vương, vậy Trang có phải là học trò của Lý Trần Quán hay bạn thân của chúa, mà ông Hương Trà đã chất chính cùng hai ông Nguyễn, Phan. Ở đây, tôi không dám lạm dụng bàn đến. Tôi chỉ nói đến cách chết của Đoan nam vương Trịnh Khải, vì đó là một điều quan trọng và cần.

Trong quyển « Bánh xe khứ quốc », ông Phan Trần-Chúc cho rằng : « Vì không chịu được nhục, nữa đường, Đoan nam vương khoét rúng tự tử ».

Tác giả quyển « Trận Đống Đa », ông Nguyễn Mạnh Bông lại chép khác « . . . Khi bị giải đi đường, Trịnh-Tung biết thế không thoát khỏi, liền rút con dao con trong túi áo giơ lên cắt cổ họng để tự sát. . . . Trang liền giựt lấy dao. Vết thương còn nông và nhỏ, Song móng tay của Đoan vương dài, chúa bèn móc vết thương cho rộng ra. . . »

Vậy khoét rúng hay móc cổ họng để tự tử là đều mà chúng ta, ai cũng muốn biết.

Nhưng, nói thế cho rườm rà do phóng bút của hai ông ấy, chớ thật ra theo ý nghĩ của tôi thì lúc ấy chúa Trịnh không tự sát bằng cách khoét rúng hay móc cổ họng gì cả.

Trong quyển « Việt Nam sử lược », ông Trần Trọng Kim chép : « Quân Tây-Sơn tiến lên đánh lan thủy quân của nhà Trịnh... Trịnh-Khải bỏ chạy lên Sơn-Tây. Đi đến làng Hạ lời, huyện Yên lảng, gặp tên Nguyễn Trang đánh lừa bắt đem nộp

cho Tây Sơn. Trịnh Khải đến làng Nhật Chiêu lấy gươm cắt cổ tự vận (V.N.S.L. trang 102, quyển II).

Chép lấy gươm cắt cổ cũng không đúng.

Ta thử nghĩ, Chúa sau khi bị Nguyễn Trang « lừa bắt, đóng cũi, giải nộp » cho tướng Tây Sơn, theo tác giả quyển « Bảng Quân công » ; hay là Trang sai người lên tố cáo với chúa Nguyễn-Huệ. Được tin, Nguyễn-Huệ sai « cho giải » lên Thăng-long, theo tác giả quyển « Trần Đồng Đa ». Hay là, gặp tên Nguyễn Trang « lừa bắt đem nộp », theo soạn giả « Việt Nam sử lược ».

Ta phải để ý và nên cần biết ở chỗ này. « Lừa bắt, đóng cũi, giải nộp » một tên tù phạm thì làm gì để cho kẻ ấy được thông thả tự do quơ chân múa tay... Trang lừa bắt Đoan-nam vương hay là « cưỡng biếp » (theo lời ông Hương-Trà), hay là « giải nộp » thì không khi nào để cho chúa Trịnh-Khải còn quyền đeo gươm, còn ở túi một con dao nhỏ ; mà trái lại, cần phải trói quách và cho ngồi vào cũi (rù xa) để điệu hẳn về một con đường dài từ làng Hạ-lôi đến thành Thăng-long. Như thế mới đúng theo nghĩa « lừa bắt, đóng cũi, giải nộp », mới được chớ !

Nếu bảo rằng : « Vừa được biết Trang cố ý lừa mình để đem nộp cho chúa Tây Sơn, Đoan nam vương cho rằng mình thế nào cũng không khỏi thoát chết, mới lấy gươm đâm họng hay cắt cổ họng để tự vận » là đúng. Chớ bảo đến làng Nhật-chiêu hay nửa đường, chúa mới lấy gươm cắt cổ họng hay khoét rúng, hay móc họng để tự tử thì thật là lạ, là oái oăm... Có ai tự vận bằng cách lấy gươm khoét rúng mình bao giờ chưa ? Hay thêu thùa như thế cho ra vẽ anh hùng ?

Nếu bảo dùng con dao nhỏ thì phải nói « đâm » cổ họng, chớ sao lại bảo « cắt ». Vả lại, có được dao nhỏ để bỏ túi thì còn gươm đeo ở đâu ? Nhưng mà, chúa để dao nhỏ trong túi để làm gì chớ ?

Lại một điều nữa càng vô lý.

Khi Nguyễn Trang giựt lấy dao, vết thương hẳn còn nông và nhỏ. Chúa có móng tay dài đưa lên móc cổ họng...

Sao lại có thể như thế được ?

Sao lại tìm lấy một cách tự sát quá phiền phức như thế ? Vậy không còn có cách chết nào dễ dàng hơn cách lấy gươm khoét rúng, hay đưa tay móc lấy vết thương ở cổ họng bằng sự « cắn lưỡi » để tự-tử sao ?

Hay bảo chúa Trịnh Khải bởi già quá, không còn một răng

con nào cắn lưỡi, thì cũng còn cách đập đầu vào củi, vào đá bên vệ đường. Nhưng thật ra, chúa Trịnh Khải có già dân. Tuy trong thế phỗ Trịnh thị (1), không đề năm sanh chúa Trịnh Khải, nhưng tính từ lúc Trịnh Sâm, cha Trịnh Khải chết truyền ngôi cho con thứ là Trịnh Cán. Khải là con trưởng mà không được cha truyền ngôi cho mới tức giận cướp lấy ngôi Cán. Khải lên làm vua năm 1782 đến năm 1786 thì chết. Kể từ cha chết rồi, Khải lên làm vua chỉ được 4 năm hay 3 năm rưỡi, rồi cũng tự tử chết. Vậy thì, ta không thể bảo Đoan nam vương Trịnh Khải già lụ khụ mà không còn một cái răng con nào để nhai cơm cho nhỏ hết !

Nếu hai tác phẩm có giá trị của hai ông Phan Trần Chúc và Nguyễn Mạnh Bổng có thuộc về loại « tiểu thuyết lịch sử hóa » — mà kỳ thật, nó đã thuộc về loại « tiểu thuyết lịch sử hóa » rồi, thì người ta có thể dung cho. Nhưng mà, dầu là một tiểu thuyết lịch sử hóa cũng không thể viết bằng một cách hàm hồ và vô lý như thế được. Vì tất, nó đã được mạng danh..

QUANG-PHONG

(Còn nữa)

1) Trong quyển « Việt-Nam sử lược », có những thế phỗ của các tr ều đại, soạn giả T.T. Kim không chua năm sanh tử của những bậc vua chúa, thật là một điều đáng tiếc !

PÉTAIN CÁCH NGÔN

A-ĐÔNG TRIỆT-LÝ HIỆP-GIẢI

Soạn-giả : ĐẶNG-THỨC-LIÊNG và HỒ VĂN-TRUNG

là một quyển sách có nhiều câu cách ngôn của Thống chế Pétain. Mỗi câu cách ngôn ấy đều có câu triết lý của bậc Thánh Hiền Á Đông chiếu đối bằng Hán văn, Việt văn và Pháp văn. Lại cũng có lời phụ giải chung, thật rõ ràng.

Sách in khéo, bìa đẹp, khổ lớn, giấy tốt

dày 120 trang, Giá : Giấy thường 1 \$ 50
Giấy tốt 3 00

Mua sĩ sách và tiểu thuyết có huê hồng nhiều, xin thương lượng với : **HỒ-VĂN KỶ-TRÂN**

Quản lý Nhà xuất bản « ĐÀI VIỆT »

5, Rue de Reims — SAIGON

BỬU, TỶ

BỬU » nghĩa là « Báu ». « TỶ » nghĩa là « Ngọc Tỳ ». Ấn của nhà vua dùng, thì gọi là « Bửu » hoặc là « Tỳ » (cho khác hẳn với ấn triện-đồ chương của quan lại) tùy theo chỗ dùng. Quốc dân ta có nhiều người không hiểu, tưởng nhà vua chỉ dùng có một thứ gọi là : « Sắc mạng chi bửu » mà thuở nay thường thấy ở trong đạo sắc các quan hay là đạo sắc thần đó mà thôi. Chớ kỳ thật nhà vua dùng nhiều thứ « bửu, tỳ » lắm. Nay tôi noi theo « Minh Mạng chánh yếu » quyển thứ 18, kính lục các thứ « bửu, tỳ » ra đây cho quốc dân ta biết « quốc bửu » (ấn của vua) cũng là trọng là lớn lắm.

Năm Minh-Mạng thứ 9 (1828) lời « dụ » có nói : Đức Hoàng khảo, Thế tổ Cao Hoàng đế ta (vua Gia Long) có sắc dạy lấy vàng đúc các thứ « bửu » :

- 1') « Chế cáo chi bửu »
- 2') « Quốc gia tín bửu »
- 3') « Sắc chánh vạn dân chi bửu »
- 4') « Thảo tội an dân chi bửu »
- 5') « Ngự tiền chi bửu »
- 6') « Mạng đức chi bửu »

Lâu nay đã vưng thi hành, mà chưa đủ, nay trẫm lại dạy lấy vàng đúc thêm :

- 1') « Hoàng đế chi bửu »
- 2') « Hoàng đế tôn thân chi bửu »
- 3') « Sắc mạng chi bửu »
- 4') « Khâm văn chi tỳ »
- 5') « Duệ võ chi tỳ »
- 6') « Trị lịch minh thời chi bửu »

Lần lược cáo thành, bèn định cách hành dụng các thứ « bửu, tỳ » ấy. Từ nay như có gặp lễ sùng tẩn huy hiệu (cho các đấng tiên đế hoặc các ngài Hoàng thái hậu) thì dùng : « Hoàng đế tôn thân chi bửu ».

Các điển lễ khánh tiết ban ơn và cáo dụ cho các bậc thân huân, hay là tuần thú quan phong các địa-phương và ban sắc cho ngoại quốc thì dùng : « Hoàng đế chi bửu ».

Chỉ dụ, chương tấu và sách tịch thì dùng : « Ngự tiền chi bửu »

Ban chánh sóc (lễ ban lịch cho bá quan) thì dùng : « Trị lịch minh thời chi bửu »

Lập nhà Học, đặt khoa thi, với kẻ sĩ cầu lời nói, về các việc văn, thì dùng : « Khâm văn chi tỹ »

Trị việc binh nhung, mở khoa thi võ, và nghiêm phòng võ bị, về các việc võ thì dùng : « Duệ võ chi tỹ »

Ban cấp các sắc cho các quan văn võ và phong tặng cho thần với người, thì dùng : « Sắc mạng chi bửu »

Sai phái các tời và ban cấp chiếu lệnh, cùng với chiếu văn gia cấp, gián cấp, thì dùng : « Chế cáo chi bửu »

Bắt điền quân lính, với đòi tương soái, thì dùng : « Quốc gia tín bửu ».

Khuyến bảo tời dân, răn dạy các nơi, và tinh biểu cho những người hiếu hạnh tiết nghĩa, thì dùng : « Sắc chánh vạn dân chi bửu »

Sai tướng soái đem quân đi đánh giặc, thì dùng « Thảo tội an dân chi bửu ».

Ban khen công lao chánh tích, thì dùng : « Mạng đức chi bửu ».

Sau lại có đúc thêm «Hành tại chi bửu» để phòng khi tuần hành dọc đường có sắc tứ việc chi thì dùng.

Lại có «Văn lý mật sát chi bửu» để dùng vào giấy tờ có biên số mục.

Năm thứ 19 (1838) lại dạy chế thêm : « Tề gia chi bửu » để dùng những công việc, như thưởng phạt và ban hành các chỉ dụ trong nội đình.

Năm thứ 20 (1839) lại mạng chế thêm «Đại Nam Thiên tử chi tỹ» để dùng về lúc đi tuần thú và sắc thơ cho các nước ngoài.

Mỗi đức Hoàng đế lại có một cái ấn riêng. (Trên khắc hai chữ « Hoàng hiệu » dưới khắc hai chữ « Thần Hàn » như: « Minh Mạng Thần Hàn », « Khải Định Thần Hàn » v. v...) để dùng về khi ngự viết thi phú văn chương ban tứ cho các quan.

Các thứ «bửu, tỹ» trên đây đều tồn tri ở chính giữa điện Trung-Hòa, mỗi khi có việc phải cần dùng « Hậu Bửu » (đong ấn) về thứ « bửu » nào, thì quan Đại học sĩ và quan Thượng bửu khanh tâu rõ cho đức Hoàng đế hay. Sau khi được « chỉ » cho phép, thì viên nội giám bưng đem ra điện Cần chánh, in dùng rồi đem khóa lại đem cất vào chỗ cũ. Còn chìa khóa giao cho quan Thượng bửu khanh cất giữ.

Lại năm thứ 18 (1837) đức Minh Mạng có dạy các quan Nội-các rằng : Bửu, Tỷ là đồ quý trọng của nhà nước. Xưa nay tôn trí ở điện Trung Hòa. Mỗi khi có dùng đến bửu, tỷ nào, tâu lên, rồi do cung giám bưng ra, cần dùng xong, đem cất.

Các quan đại thần khác, ít được xem thấy. Tuy điện Trung-Hòa là nơi trầm ỗ, đoán không ý gì ngăn cản. Nhưng những đồ quý trọng, chỉ có người hầu hạ trong đền dự biết. Như thế chẳng phải xui bảo phép hay cho muôn đời. Nay định bắt đầu từ năm nay, đến ngày phong ấn, Thái giám bưng các hòm « Bửu Tỷ » và « kim sách, kim bài » với phù tín đem ra để trên ghế chính giữa điện Cần chánh. Trước khi tòa Nội các phải biên liệt danh sách các Hoàng tử đã được phong tước, và các quan như phẩm văn võ đại thần cùng những quan viên viện Cơ-mật và Nội các tiến trình chờ trầm vòng khuyên đưa ra. (Hoàng đế khuyên son vào những tên các quan viên được dự) đến ngày phải mặc triều phục vào đền mở ra từ hòm xem xét lau chùi sạch sẽ.

Việc rồi niêm phong khóa lại kỹ lưỡng và giao cho Thái giám bưng vô cất. Đoạn phải biên « xem xét lau chùi rồi một lần », sau cứ vậy mà làm. Như có những tình tiết chi khác, thì phải vào tâu ngay trước mặt Hoàng đế để phòng sự che lấp. Từ rày cứ chiếu theo trên đây mà tuân hành, cho rõ rệt phép hay không cùng vậy».

Còn về cách thức đóng ấn (Hậu bửu) như « bửu tỷ » của Hoàng đế thì đóng ngay ở chữ « Mỏ Niên » còn ấn tín của các nha môn thì đóng ngay ở chữ « Mỏ nguyệt » (Như « Minh Mạng nhị thập nhứt niên, chánh nguyệt, sơ tam nhứt », thì bửu tỷ của Hoàng đế đóng ngay ở chữ « «Nhị thập nhứt niên», còn ấn của các nha môn thì đóng ngay chữ Chánh nguyệt») như thế là để phân biệt tôn ty và ngăn ngừa cái tệ gồm tầy.

THƯỢNG-TÂN-TEI (cẩn thuật)



RỪNG VÀNG CỦA CON TÔI

MỸ-ẨM TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG

(Tiếp theo)

CHƯƠNG THỨ VII ĐỐI VỚI GIA-ĐÌNH



TRONG một gia-đình người ta, về phần người, thì gồm có người khuất người còn, người trên người dưới, về phần việc, thì gồm có việc lớn việc nhỏ, việc gần việc xa. Người trong một gia-đình ứng phó với mọi người mọi việc trong gia-đình, cần phải có hai mối trách-nhiệm là đối người và xử việc.

Đối người khuất, là đối với tổ tiên ông bà hay là cha mẹ đã thác, thì phải giữ gìn mồ mã, thờ phụng linh hồn, nhưt là để tiếng tốt cho tiên nhon, gìn giữ và mở mang cơ nghiệp hay là công đức của tiên nhon cho được lâu dài rộng lớn. Đối người còn, là trên thì đối với ông bà và cha mẹ còn sống, thì phải phụng dưỡng hiếu kính ; lối giữa đối với anh em thì phải hữu nhượng ; đối với vợ chồng thì phải thuận hòa ; dưới đối với con cháu thì phải thương yêu, phải nuôi dạy ; dưới nữa đối với kẻ tôi tớ thì phải có phép giá ngự, có lượng bao dung, và phải thể tất tình người, cho phải đạo làm chủ.

Nói về xử việc, thì gồm đủ các việc, thờ trên tiếp dưới, đối đãi với hết thảy nhơn vật trong gia-đình, là các hạng người đã kể ra trên đây. Ngoài ra là các việc nấu sữ xôi kinh, tập nghi giảng lễ, dùng để rèn luyện đức hạnh, mở rộng trí khôn, cho tròn đạo làm người ; nói tóm lại là công việc giáo dục ; cấy cày, buôn bán, công nghệ, làm ăn, dùng để dành dụm gia tài, nuôi sống nhơn khẩu, mà dựng nên cơ nghiệp, nói tóm lại là công việc doanh sinh.

Một thân người ta mà có đủ tư cách dùng để ứng phó với cái trách nhiệm đối người xử việc trong gia đình, tất phải là người có đức có tài, mới hầu khiến cho người thì trên thuận dưới hòa, cho việc thì trong êm ngoài ấm. Cái đức tài ấy, bởi đâu mà có ? Một phần bởi sức học vấn tới được, một phần bởi trí lịch

duyet sanh ra. Vây dưới đây tôi dẫn ra những câu cách ngôn của các vị thánh hiền thuở xưa, để hiển cho kẻ có trách nhiệm gia đình dùng làm bài học và tham-hiệp với mực kiến văn trên đường lịch duyet mà đúc nên tư cách đối với gia đình.

Ông Chu-Hi nói : « Đọc sách là cái gốc khởi lên phong hóa trong nhà ; theo lễ là cái gốc giữ gìn nền-nếp trong nhà ; cần-kiệm là cái gốc sửa trị cơ nghiệp trong nhà ; hòa thuận là cái gốc lễ chỉnh thói phép trong nhà ; trung hiếu là cái gốc di truyền tiết hạnh trong nhà ».

Ông Lữ Khôn nói rằng : « Hai chữ truyền cho nhà là đọc và cày ; hai chữ khởi nên nhà là cần và kiệm ; hai chữ xử yên tình nhà là nhường và nhịn ; hai chữ phòng giữ cửa nhà là trộm và gian ; hai chữ làm mất nhà là dâm và bạo ».

Ông Phương hiếu Nhự nói rằng : « Trị là lấy định chánh luân-ý, phân biệt trong ngoài làm gốc ; lấy hiếu hữu mà tôn thờ tổ-tiên, hòa mục họ hàng làm trước ; lấy chăm học sửa mình làm đạo dạy ; lấy trồng tĩa, chăn nuôi làm nghề thường. Giữ mình bằng tiết kiệm, đãi người bằng đức từ nhượng, có thể đủ cho mình mà giúp được người ; tập lễ mà sợ phép, có thể ít lỗi mà tránh khỏi họa ».

Sách Gia-huấn của nhà họ Vương rằng : « Cái phép trị nhà là cửa ngõ tường lũy cần nên kín đáo vững chắc, trai gái, sang hèn cần phải phân biệt trong ngoài. Ông chủ bà chủ thường kiểm soát luôn luôn, chẳng nên say đắm về tình ái riêng tây và trễ nhác việc phòng bị, để đến đời trai gái hỗn tạp, khiến cho người ta chế cười mà hổ nhục tổ tông ».

Sách Gia-huấn của nhà họ Hồ rằng : « Gia đình rất nên nghiêm-túc, trai gái chẳng nên hỗn hào, câu Lễ nói là : « Chẳng được trao lay đồ vật cho nhau, chẳng được hỏi han trò chuyện với nhau », càng nên khắc xương ghi da ».

Những câu đó đều là lời dạy chánh đáng, có thể làm mô-phạm cho gia-đình, kẻ có trách-nhiệm gia đình đều nên học lấy để làm tư cách đãi người xử việc. Ông Viên-Liêu-Phàm nói rằng : « Phàm nhà người ta nên có cuốn sách khuyến thiện hay là cuốn sách cách-ngôn của tiên thánh tiên hiền để tại trên bàn ghế, khiến cho người nhà sớm chiều phiên duyet, có thể thấu nhiếp tâm thân và mở rộng thiện niệm, phần lợi ích chẳng phải là ít, mà lại là khẩn yếu trong việc dạy dỗ con em ».

Nay tôi do tôn-chỉ những câu cách-ngôn trên đây mà diễn giải lần lần, hầu cho thấy rõ lý nghĩa.

Các đạo làm người có thể tấn đức khai tri, đều có đủ ở trong các sách, nếu không đọc sách thì không lấy chi làm chuẩn đích ; cho nên nói rằng : « *Đọc sách là cái gốc khởi lên phong hóa trong nhà* ». Lễ phép dùng để đính chánh luân lý, phân biệt trong ngoài, dưới có lễ thì không lờn trên, trên có lễ thì không khinh dưới, trai gái có lễ thì không hỗn tạp ; cho nên nói rằng : « *Theo lễ là cái gốc giữ gìn nền nếp trong nhà* ». Từng biệp học hành cho chí , nghề làm ăn, bề cần thì được việc, kiệm thì đủ dùng, tài sản do đó mà doanh dư, nghề nghiệp do đó mà tấn tới, cho nên nói rằng : « *Cần kiệm là cái gốc sửa trị cơ nghiệp trong nhà* », nói rằng : « *Hai chữ khởi nên nhà là cần và kiệm* ».

Nhơn-vật trong gia-đình từ ông bà cha mẹ, cho đến con cháu anh em vợ chồng, cốt hết là trên thuận dưới hòa, người nào giữ bền phận theo lễ phép của người nấy, ấy là cái gia đình thanh vượng, cho nên nói rằng : « *Hòa thuận là cái gốc lễ chỉnh thời phép trong nhà* ». Con người ta ở trong nhà mà biết hiếu kính với ông bà cha mẹ, thì ra đời ắt biết trung thành với vua với nước, câu sách nói : « *Kiểm tôi trung ắt do ở nhà con hiếu* », vậy bốn lãnh lớn của đời người ta cốt ở trung hiếu, cho nên nói rằng : « *Trung hiếu là cái gốc di truyền tiết hạnh trong nhà* », nói rằng : « *Lấy hiếu hữu mà lớn thờ tổ tiên, hòa mục họ hàng âm trước* ». Con người ta ai cũng phải do hai đường học thuật và kinh tế, lấy học hành làm ăn làm chánh nghiệp, cho nên nói rằng : « *Hai chữ truyền cho nhà là đọc và cấy* », nói rằng : « *Lấy chăm học sửa mình làm đạo dạy, lấy trông tĩa chăm nuôi làm nghề thường* ». Trong gia đình mà được trên thuận dưới hòa, là bởi ai nấy đều biết nhường nhau nhịn nhau. Hễ nhà nào đã lấy nhường nhịn làm gia-phong, thì từ lớn chi nhỏ đều thành tập quán : nhà họ Trương (Trương công Nghệ) chín đời ở lộn được với nhau là bởi trăm điều nhịn ; nhà họ Đậu từ đứa con nít (Đậu Dong) bốn tuổi đã biết nhường trái lê cho anh. Cho nên nói rằng : « *Hai chữ xử yên tình nhà là nhường và nhịn* ». Câu tục nói : « *Ăn mày chẳng tay giữ bị* » bất cứ nhà giàu hay là nghèo, có nghề kinh tế, để sanh ra của, cũng phải có phép quan phòng để giữ lấy của.

Chớ nếu để trong nhà có kẻ gian ở, ngoài nhà có kẻ trộm vô, thì gia tài tan hết còn gì, khó bề bảo toàn được như mạng ; cho nên nói rằng : « *Hai chữ phòng giữ cửa nhà là trộm và gian* », nói rằng : « *Cái phép trị nhà, cửa ngõ lường lữ cần phải kín đáo vững chắc* », (Còn nữa)

ÁI-TÌNH MIẾU

TIỂU-THUYẾT CỦA HỒ BIỀU-CHÁNH

(Tiếp theo)



PHÚC lựa đường trống mà dắt vợ đi dạo cho ngon cỏ lá cây khỏi quất cô Lý ướt quần ố áo. Cô Lý lững thững đi theo chồng, chơn bước khoan thai, mặt mày hớn hờ, cô ngo thấy vườn thơm thì cô chỉ mà nói : « Thơm kia! ».

Phúc day lại nói : « Phái. Thơm đó. Từ rày vườn thơm đó thuộc về của em, vườn trà này cũng của em, sở mĩa dưới kia cũng của em. Em làm chủ các cây trái trong vườn này hết thảy cũng như qua vậy. Qua rất tiếc, qua không có của quý nào khác nữa, qua chỉ có bao nhiêu đồ mà thôi. Mà có bao nhiêu qua dâng hết cho em, mong rằng em sẽ vui lòng mà thu nhận, rồi đôi ta chung lo trồng tỉa, vun phân tưới nước, dâng cúng hương hoa quả với nhau. Mấy năm nay qua vì lợi nên qua không trồng bông. Bây giờ có em, vậy đến mùa mưa qua sẽ dọn líp phía trước mà trồng huệ, trồng hường, để em chơi ».

Cô Lý cười mà đáp : « Anh cưng em quá, em sẽ nhõng nhẽo cho mà coi ».

Hai người mắc nói chuyện nên đi gần tới nhà mát mà cô Lý không hay. Chừng cô ngo thấy cái nhà bây giờ nóc lợp lại bằng tranh mới, cột và lan-can đều sơn xanh như màu áo của cô, trong nhà để có hai cái ghế ngồi, song có để thêm một cái ghế canapé và giăng tới hai cái võng ; còn chung quanh nhà thì quét dọn sạch-sẻ, không có một cọng cỏ, không có một lá khô. Cô đứng chung hững rồi ngo cuồng mà nói :

— Anh sửa-soạn cái nhà mát lại đẹp quá.

— Qua muốn cất lại bằng ngói gạch cho đẹp - để chắc chắn dâng thờ Thần ái - tình của chúng ta cho xứng đáng. Tại hôm trước em không chịu, nên qua không dám cải. Qua sửa sửa lại cho sạch-sẻ mà thôi.

— Như vậy thì đủ rồi.

— Qua muốn cất một cái nhà nhỏ tại đây dâng vợ chồng mình ở riêng ngoài này.

Ý ! Không nên. Anh đừng có tính như vậy mà nghe rồi mà buồn. Mình phải ở chung với má, lúc nào rảnh mình ra đây nằm chơi vậy thôi.

— Tự ý em.

Phúc nắm tay dắt cô Lý bước lên than má vô nhà, rồi mời cô ngồi tại ghế canapé. Phúc ngồi một bên vợ, rồi vợ chồng ngó mộng trong vườn. Cũng như hôm trước, dưới suối nước vẫn chảy ro-re, bên rừng cúc vẫn kêu từng nhịp.

Ngắm cảnh rồi động tình, cô Lý day qua ôm mặt chồng mà hun, chớ không nói chi hết.

Phúc khoái lạc tràn trề nên nói nhỏ-nhỏ :

— Cảm ơn em. Qua cảm ơn em nhiều lắm. Nhờ em mà qua được biết ý nghĩa của sự sống, được hưởng chút hạnh phúc của thế-gian.

— Anh còn nhớ cô Hạnh nữa hay không ?

Phúc đương hân-hoan mắng ý, mà nghe câu hỏi ấy thì liền châu mày ủ mặt rồi thững-thững đáp :

— Cô Hạnh đã chết mất rồi. Chuyện cô Hạnh là chuyện thuộc về kiếp trước của qua. Em nhắc lại làm chi ? Hôm trước em cấm qua không được nhớ cô Hạnh nữa. Bữa nay qua cũng cấm em không được nhắc tới tên đó. Em nhớ nghe hôn ?

— Vâng. Em không dám nhắc tới nữa đâu. Lỡ lần này, thôi em xin anh tha lỗi cho em.

— Qua tha.

Phúc ngồi lơ-lửng, khí sắc không còn hân-hoan như hồi nãy nữa.

Bây giờ cô Lý cũng buồn hiu, cô ăn năn sự cô nhắc cô Hạnh, mà nhứt là cô thấy cử chỉ của Phúc như vậy, cô nghĩ Phúc chưa dứt tình với cô Hạnh được.

Phúc ngồi lặng thinh ngó mộng một hồi, rồi thỉnh lình một tay thì nắm tay cô Lý, còn một tay thì choàn ôm sau lưng cô mà hồi nhỏ-nhỏ :

— Thiệt em thương qua hay không ?

— Nếu em không thương thì có lẽ nào em ưng làm vợ anh.

— Tại sao mà em thương ?

— Câu anh hỏi đó kho trả lời quá. Em không hiểu rõ tại sao mà em thương anh. Trái tim có nhiều lý luận, mình không thể dùng chánh lý mà giải được.

— Đó là câu sách.

— Phải. Tuy là câu sách, song hợp với thể tình lắm.

— Qua thương em là tại qua thấy em có sắc đẹp dễ, có trí thông minh, mà lại có lòng tốt quyết chữa giùm tâm bệnh cho qua, nên qua thương. Qua thương em có cơ như vậy đó. Qua muốn biết coi em thương qua là tại cơ nào.

— Có lẽ tại em thấy anh bị tâm bệnh nên em thương.

— Đó là thương vì tội nghiệp, chứ không phải thương vì tình ái.

— Có lẽ tại em có cái tâm hồn chán đời, mà em gặp anh có cái tâm hồn chán đời còn hơn em nữa, vì đồng bệnh tương lân, nên em thương anh.

Phúc gác đầu, nhưng mà ngẫm nghĩ một chút rồi lại hỏi nữa:

— Tại sao mà em chán đời?

— Hôm trước đã có cắt nghĩa cho anh nghe rồi. Từ nhỏ em ở trong cảnh đời rục rĩ vui sướng. Chừng em lớn khôn, em dòm thấy cảnh đời ấy là cảnh đời giả dối nên em chán ngán.

— Phải. Hôm nọ em có tỏ ý ấy với qua... Qua xin em đừng chấp qua hỏi đơn hỏi ren. Những câu qua hỏi em nầy giờ đó chẳng có ý nghĩa nào khác hơn là muốn vợ chồng ta thấu hiểu tình nhau, chẳng nên nghi ngại chỗ nào hết. Qua tỏ thiệt với em qua nhờ có em, nên qua mới biết vui với sự sống. Qua cần dùng em lung lắm. Vậy xin em rán thương giùm qua, thương luôn luôn đừng bỏ qua. Nếu ngày nào qua dòm thấy em hết thương qua, thì ngày ấy là ngày cuối cùn của qua.

— Em sẽ thương anh cho tới mãn đời em. Mà chừng em chết, em cũng còn đem sự thương ấy theo xuống cửu tuyền với em.

— Cảm ơn. Qua được người vợ như vậy thì hạnh phúc của qua đầy đủ, chẳng còn thiếu chút nào hết. Qua vai ông Thần ái tình giúp qua làm cho em cũng được hưởng hạnh phúc tràn trề như qua. Em muốn việc gì thì em cứ tỏ thiệt cho qua biết. Qua sẽ làm y theo ý em muốn.

— Hiện bây giờ em muốn có một việc mà thôi.

— Em muốn việc gì? Em nói đi, nói cho mau.

— Em muốn anh tập giùm cho em thông thạo cách làm vườn làm rẫy, đặng em giúp đỡ cho anh.

(Còn nữa)

Autorisé par arrêté du Gouverneur Général

N° 500-N du 17 Juillet 1942

Imprimerie THẠNH MẬU
3, rue de Reims - Saigon

L'Administrateur Gérant :

— HỒ VĂN KỶ-TRẦN —

